BB		
分區	代號	人數
大埔	TP	5
屯門	TM	5
何文田	HMT	5
沙田	ST	9
柴灣	CW	7
荃灣	TW	6
灣仔	WC	8
觀塘	KT	6
	總數	51

男B賽事
第一階段 - 分組循環：2023-12-02(六)
第二階段 - 淘汰賽　：2023-12-02(六)

每小組首名出線

男B-第1組	
1	梁亦熙 WC
2	方進 TW
3	黃宇駿 TM
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB01-1	2-Dec	13:00	方進 TW	vs	黃宇駿 TM
2	1-3	BB01-2	2-Dec	13:20	梁亦熙 WC	vs	黃宇駿 TM
3	1-2	BB01-3	2-Dec	13:40	梁亦熙 WC	vs	方進 TW

男B-第2組	
1	鄧柏灝 TM
2	陳熹霖 WC
3	陳俊瑋 TW
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB02-1	2-Dec	13:00	陳熹霖 WC	vs	陳俊瑋 TW
2	1-3	BB02-2	2-Dec	13:20	鄧柏灝 TM	vs	陳俊瑋 TW
3	1-2	BB02-3	2-Dec	13:40	鄧柏灝 TM	vs	陳熹霖 WC

男B-第3組	
1	潘承晉 KT
2	羅浩峰 TP
3	龔澤權 ST
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB03-1	2-Dec	13:00	羅浩峰 TP	vs	龔澤權 ST
2	1-3	BB03-2	2-Dec	13:20	潘承晉 KT	vs	龔澤權 ST
3	1-2	BB03-3	2-Dec	13:40	潘承晉 KT	vs	羅浩峰 TP

男B-第4組	
1	莊泳稀 HMT
2	張汶溍 KT
3	莊竣晞 TP
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB04-1	2-Dec	13:00	張汶溍 KT	vs	莊竣晞 TP
2	1-3	BB04-2	2-Dec	13:20	莊泳稀 HMT	vs	莊竣晞 TP
3	1-2	BB04-3	2-Dec	13:40	莊泳稀 HMT	vs	張汶溍 KT

男B-第5組	
1	羅晽桐 TW
2	丘浚賢 WC
3	鄺煒樺 CW
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB05-1	2-Dec	13:00	丘浚賢 WC	vs	鄺煒樺 CW
2	1-3	BB05-2	2-Dec	13:20	羅晽桐 TW	vs	鄺煒樺 CW
3	1-2	BB05-3	2-Dec	13:40	羅晽桐 TW	vs	丘浚賢 WC

男B-第6組	
1	吳日朗 CW
2	吳彥正 HMT
3	黃子睿 KT
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB06-1	2-Dec	13:00	吳彥正 HMT	vs	黃子睿 KT
2	1-3	BB06-2	2-Dec	13:20	吳日朗 CW	vs	黃子睿 KT
3	1-2	BB06-3	2-Dec	13:40	吳日朗 CW	vs	吳彥正 HMT

男B-第7組	
1	許鉅樟 HMT
2	謝昊廷 CW
3	吳卓言 ST
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB07-1	2-Dec	13:00	謝昊廷 CW	vs	吳卓言 ST
2	1-3	BB07-2	2-Dec	13:20	許鉅樟 HMT	vs	吳卓言 ST
3	1-2	BB07-3	2-Dec	13:40	許鉅樟 HMT	vs	謝昊廷 CW

男B-第8組	
1	曾子樂 ST
2	陳正軒 TW
3	余柏賢 WC
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB08-1	2-Dec	13:00	陳正軒 TW	vs	余柏賢 WC
2	1-3	BB08-2	2-Dec	13:20	曾子樂 ST	vs	余柏賢 WC
3	1-2	BB08-3	2-Dec	13:40	曾子樂 ST	vs	陳正軒 TW

男B-第9組	
1	李昊爌 KT
2	謝智信 TP
3	王子昇 WC
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB09-1	2-Dec	13:00	謝智信 TP	vs	王子昇 WC
2	1-3	BB09-2	2-Dec	13:20	李昊爌 KT	vs	王子昇 WC
3	1-2	BB09-3	2-Dec	13:40	李昊爌 KT	vs	謝智信 TP

男B-第10組	
1	簡瑋嶠 ST
2	謝禮謙 CW
3	吳逸峻 TW
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB10-1	2-Dec	13:00	謝禮謙 CW	vs	吳逸峻 TW
2	1-3	BB10-2	2-Dec	13:20	簡瑋嶠 ST	vs	吳逸峻 TW
3	1-2	BB10-3	2-Dec	13:40	簡瑋嶠 ST	vs	謝禮謙 CW

男B-第11組	
1	歐朗然 TW
2	黃敬峰 CW
3	李碩浚 ST
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB11-1	2-Dec	13:00	黃敬峰 CW	vs	李碩浚 ST
2	1-3	BB11-2	2-Dec	13:20	歐朗然 TW	vs	李碩浚 ST
3	1-2	BB11-3	2-Dec	13:40	歐朗然 TW	vs	黃敬峰 CW

男B-第12組	
1	梁筠晞 KT
2	王鉦皓 HMT
3	陳逸生 WC
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB12-1	2-Dec	13:00	王鉦皓 HMT	vs	陳逸生 WC
2	1-3	BB12-2	2-Dec	13:20	梁筠晞 KT	vs	陳逸生 WC
3	1-2	BB12-3	2-Dec	13:40	梁筠晞 KT	vs	王鉦皓 HMT

男B-第13組	
1	江義尊 TP
2	江睿軒 TM
3	黎信之 ST
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB13-1	2-Dec	13:00	江睿軒 TM	vs	黎信之 ST
2	1-3	BB13-2	2-Dec	13:20	江義尊 TP	vs	黎信之 ST
3	1-2	BB13-3	2-Dec	13:40	江義尊 TP	vs	江睿軒 TM

男B-第14組	
1	鄧諾軒 ST
2	馬昭然 CW
3	吳庚展 KT
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB14-1	2-Dec	13:00	馬昭然 CW	vs	吳庚展 KT
2	1-3	BB14-2	2-Dec	13:20	鄧諾軒 ST	vs	吳庚展 KT
3	1-2	BB14-3	2-Dec	13:40	鄧諾軒 ST	vs	馬昭然 CW

男B-第15組	
1	李瀚林 CW
2	宋東澤 ST
3	涂瀚文 TP
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB15-1	2-Dec	14:00	宋東澤 ST	vs	涂瀚文 TP
2	1-3	BB15-2	2-Dec	14:20	李瀚林 CW	vs	涂瀚文 TP
3	1-2	BB15-3	2-Dec	14:40	李瀚林 CW	vs	宋東澤 ST

男B-第16組	
1	麥灝臻 WC
2	鄧卓灝 TM
3	邱奕僖 ST
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB16-1	2-Dec	14:00	鄧卓灝 TM	vs	邱奕僖 ST
2	1-3	BB16-2	2-Dec	14:20	麥灝臻 WC	vs	邱奕僖 ST
3	1-2	BB16-3	2-Dec	14:40	麥灝臻 WC	vs	鄧卓灝 TM

男B-第17組	
1	吳浩賢 TM
2	譚智曦 HMT
3	何哲朗 WC
4	

	配對	場次	日期	時間	對賽		
1	2-3	BB17-1	2-Dec	14:00	譚智曦 HMT	vs	何哲朗 WC
2	1-3	BB17-2	2-Dec	14:20	吳浩賢 TM	vs	何哲朗 WC
3	1-2	BB17-3	2-Dec	14:40	吳浩賢 TM	vs	譚智曦 HMT